TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 162/2023/QĐST-DS	*Thạnh Phú, ngày 06 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 226/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: số nhà 36/3 ấp B, xã H, huyện T, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1966 và ông Nguyễn Văn X, sinh năm:1969; cùng địa chỉ: số nhà 99/2 ấp K, xã M, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ số tiền 150.000.000 đồng.

Thời gian và cách thức trả: Ngày 01/11/2023 bà D và ông X có nghĩa vụ liên đới trả 20.000.000 đồng cho bà N và ông Đ. Số tiền 130.000.000 đồng còn lại định kỳ hàng tháng bà D và ông X có nghĩa vụ liên đới trả 5.000.000 đồng cho bà N và ông Đ, trả vào ngày 01 hàng tháng, thực hiện trả lần đầu vào ngày 01/12/2023 cho đến khi trả hết số tiền 130.000.000 đồng.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện liên đới chịu 1.875.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005748 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Số tiền còn lại 8.678.500 đồng và số tiền 750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005752 ngày 17/5/2023 Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả cho bà N và ông Đ.

+ Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X tự nguyện liên đới chịu 1.875.000 đồng. Do bà Trần Thị D thuộc đối tượng thân nhân gia đình liệt sĩ nên bà D được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Ông X có nghĩa vụ nộp 937.500 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Cẩm Nhung